TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 8 - 2025
V/v: Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành

Bà Lê Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - TH tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị N - Sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn LT, xã TL, tỉnh TH

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn H - Sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn LT, xã TL, tỉnh TH

Tại phiên tòa chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn H đều vắng mặt. Chị Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Phạm Văn H tự nguyện tìm hiểu về chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới vào năm 2005 do không hiểu biết pháp luật nên chị và anh H không không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp tính nhau nên thường xuyên bất đồng về quan điểm sống và cách làm ăn cư xử trong gia đình, cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được cả hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Đến đầu năm 2021 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sống, từ đó vợ chồng sống ly thân nhân nhau, trong thời gian sống ly thân chị và anh H không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Phạm Văn H.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H có 02 con chung là Phạm Thị Châu L - Sinh ngày 06/10/2006 và cháu Phạm Minh D - Sinh ngày 25/05/2009. Hiện tại cháu L đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Phạm Minh D khi ly hôn chị đề nghị giao con cho anh Phạm Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu D đến tuổi thành niên.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn H để trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh H không có mặt nên không có ý kiến trình bày của anh H và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39; 147; 227; 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 51; 53, 81. 82, 83, 107, 110 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N. Xử không công nhận chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn H là vợ chồng. Về con chung chị N và anh H có hai con chung Phạm Thị Châu L - Sinh ngày 06/10/2006 và cháu Phạm Minh D - Sinh ngày 25/05/2009. Hiện tại cháu L đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét giải quyết. Giao cháu Phạm Minh D cho anh Phạm Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu D đến tuổi thành niên, chị N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai

được ngăn cấm. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng đối với anh Phạm Văn H. Theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Phạm Văn H không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Anh Phạm Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhưng anh H không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn H lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh H vẫn không có mặt mà không có lý do, chị Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định Điều 227, Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tòa án đã tiến hành phân tích, động viên các bên quay về đoàn tụ và đăng ký kết hôn nhưng chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên không thể đoàn tụ được và đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận vợ chồng. Quá trình chung chung sống chị N và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn, thời gian sống ly thân nhau kéo dài (từ năm 2021 đến nay) như vậy hôn nhân thực tế không còn tồn tại, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng bế tắc trầm trọng. Xét thấy việc sống chung với nhau như vợ chồng giữa chị N và anh H từ năm 2005 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng, điều này cũng phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với biên bản xác minh mà Tòa án tiến hành thu thập, do đó căn cứ vào Điều 9; Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn H.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh H có với nhau hai con chung là Phạm Thị Châu L - Sinh ngày 06/10/2006 và Phạm Minh D - Sinh ngày 25/05/2009. Hiện tại cháu L đã trưởng thành nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Phạm Minh D khi ly hôn chị N đề nghị giao cháu D

cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đến tuổi thành niên. Để không xáo trộn cuộc sống của con, theo nguyện vọng của cháu D, giao cháu Phạm Minh D cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền được đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị N có nguyện vọng khi ly hôn, giao con cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu D đến tuổi thành niên. Xét yêu cầu của chị N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Văn H không trình bày ý kiến về phần tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39; 147; 227; 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 51; 53, 81. 82, 83, 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết số: 01/2024/NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn H có 02 con chung Phạm Thị Châu L - Sinh ngày 06/10/2006 và cháu Phạm Minh D - Sinh ngày 25/05/2009. Cháu L đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Giao cháu Phạm Minh D cho anh Phạm Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đến tuổi thành niên.

Chị Phạm Thị N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Phạm Văn H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu D đến tuổi thành niên. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2025.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng án phí mà chị N phải chịu là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0007587 ngày 22/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, tỉnh TH. (Nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 - TH)

Chị Phạm Thị N còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị N và anh H, chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 10 - TH;
- TAND tỉnh TH;
- THADS tỉnh TH;
- Các đương sự;
- UBND xã TL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc **Bùi Trung Thành** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Trung Thành **Phạm Đức Hoàn** **Phạm Xuân Thành**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Điểm **Lê Thị Ngân** **Phạm Xuân Thành**